

CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

QUY CHẾ  
CÔNG BỐ THÔNG TIN

Hà Nội, 2023



## MỤC LỤC

<b>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</b> .....	<b>2</b>
Điều 1. Mục đích và ý nghĩa.....	2
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng .....	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ .....	3
Điều 4. Chữ viết tắt trong quy chế.....	4
Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin .....	5
Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin .....	5
Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin.....	6
Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin .....	7
Điều 9. Các loại thông tin cần công bố.....	7
<b>CHƯƠNG II: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN</b> .....	<b>8</b>
Điều 10. Lưu đồ thực hiện công bố thông tin.....	8
Điều 11. Diễn giải quy trình thực hiện công bố thông tin .....	9
<b>CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN</b> .....	<b>9</b>
Điều 12. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân có liên quan .....	9
Điều 13. Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin .....	9
Điều 14. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm .....	10
Điều 15. Hiệu lực thi hành.....	10
<b>PHỤ LỤC I: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ</b> .....	<b>12</b>
<b>PHỤ LỤC II: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG</b> .....	<b>15</b>
<b>PHỤ LỤC III: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU</b> .....	<b>23</b>
<b>PHỤ LỤC IV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY.</b>	<b>24</b>
<b>PHỤ LỤC V: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT</b>	<b>26</b>
<b>PHỤ LỤC VI: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ</b> .....	<b>27</b>
<b>PHỤ LỤC VII: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI</b> .....	<b>29</b>

## QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CÔNG TY CỔ PHẦN HELIO ENERGY

*Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*  
*Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;*  
*Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính*  
*Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;*  
*Căn cứ Quy chế Công bố thông tin tại Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam và Công ty con ban hành kèm theo Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21 tháng 12 năm 2021 của Tổng Giám đốc Sở giao dịch Chứng khoán Việt Nam;*  
*Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Helio Energy;*  
*Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 02 năm 2023;*  
*Hội đồng quản trị ban hành Quy chế Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Helio Energy bao gồm các nội dung sau:*

### CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Mục đích và ý nghĩa

Quy chế này quy định các nguyên tắc và quy trình trong thực hiện nghiệp vụ Công bố thông tin của Công ty Cổ phần Helio Energy (sau đây gọi tắt là “**Công ty**”) nhằm đảm bảo thực hiện đồng bộ, chính xác, tuân thủ quy định của pháp luật cho các đối tượng có liên quan.

Quy chế này nhằm nâng cao tính hiệu quả làm việc giữa Công ty và các cổ đông, đồng thời nhằm phục vụ tốt nhất cho các hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán.

#### Điều 2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

- 2.1. Quy chế này quy định về việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến tình hình hoạt động của Công ty trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quyền và nghĩa vụ của bộ phận công bố thông tin, các phòng chuyên môn liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Công ty.
- 2.2. Đối tượng áp dụng:
  - a) Công ty Cổ phần Helio Energy;
  - b) Bộ phận Công bố thông tin;
  - c) Người thực hiện công bố thông tin;
  - d) Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin có liên quan đến cổ phiếu của Công ty;
  - e) Cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

3.1 Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin bao gồm:

a) Nhà đầu tư là người nội bộ của Công ty và người có liên quan của người nội bộ.

Người nội bộ của doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị Công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Công ty;

d) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty;

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Công ty;

3.2 Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;

b) Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

f) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3.3 Ngày công bố thông tin là ngày là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin theo quy định tại Điều 6 của Quy chế này.

3.4 Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

- 3.5 Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.
- 3.6 Ngày thực hiện chứng khoán được xác định như sau:
- Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
  - Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;
  - Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
  - Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
  - Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.
- 3.7 Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:
- Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;
  - Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;
  - Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;
  - Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
  - Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;
  - Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

#### **Điều 4. Chữ viết tắt trong quy chế**

- CBTT: Công bố thông tin;
- SGDCK: Sở Giao dịch chứng khoán;
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông;

- HĐQT: Hội đồng quản trị;
- UBCKNN: Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

## **Điều 5. Nguyên tắc công bố thông tin**

5.1 Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định của pháp luật

Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

5.2 Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

5.3 Công ty khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 5.1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

5.4 Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định:

- a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty đại chúng của Công ty phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;
- b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

5.5 Ngôn ngữ thông tin công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty là Tiếng Việt.

## **Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin**

6.1 Việc công bố thông tin của Công ty phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện.

- 6.2 Người đại diện theo pháp luật của công ty ra quyết định bằng văn bản cho 01 người đại diện ủy quyền thực hiện công bố thông tin.
- 6.3 Người đại diện theo pháp luật của công ty phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin.
- 6.4 Công ty phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán tối thiểu 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin và Bản cung cấp thông tin của người thực hiện công bố thông tin.
- 6.5 Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin là cá nhân có thể tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin hoặc ủy quyền cho 01 tổ chức (Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, công ty đại chúng, thành viên lưu ký, Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác) hoặc 01 cá nhân khác thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin như sau:
- Trường hợp tự thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin, trong lần công bố thông tin đầu tiên, nhà đầu tư cá nhân phải nộp cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin và có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin khi có sự thay đổi các nội dung trong Bản cung cấp thông tin nêu trên;
  - Trường hợp ủy quyền công bố thông tin, nhà đầu tư cá nhân phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Nhà đầu tư có trách nhiệm cung cấp chính xác, kịp thời và đầy đủ thông tin về tình trạng sở hữu chứng khoán của mình và mối quan hệ với người có liên quan (nếu có) cho tổ chức hoặc cá nhân được ủy quyền công bố thông tin để những người này thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu, công bố thông tin theo quy định của pháp luật;
  - Nhà đầu tư cá nhân đăng ký, đăng ký lại thông tin về người được ủy quyền công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc ủy quyền công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin và Bản cung cấp thông tin của người thực hiện công bố thông tin.

## **Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

7.1 Các phương tiện công bố thông tin bao gồm:

- Trang thông tin điện tử (website) của Công ty;

- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
  - c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
  - d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
  - e) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định của pháp luật (báo in, báo điện tử,...).
- 7.2 Việc thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty:
- a) Công ty báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc ngày thay đổi về địa chỉ trang thông tin điện tử này;
  - b) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Công ty, Quy chế quản trị nội bộ, Bản cáo bạch (nếu có) và các thông tin công bố định kỳ, bất thường và theo yêu cầu quy định của pháp luật;
  - c) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể dễ dàng tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử.
- 7.3 Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Công ty thực hiện công bố thông tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
- 7.4 Việc công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.

## **Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin**

- 8.1 Đối tượng công bố thông tin được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Đối tượng công bố thông tin phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.
- 8.2 Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **Điều 9. Các loại thông tin cần công bố**

Các loại thông tin cần công bố được đính kèm theo các Phụ lục kèm Quy chế này, cụ thể như sau:

Phụ lục I: Công bố thông tin định kỳ;

Phụ lục II: Công bố thông tin bất thường;

Phụ lục III: Công bố thông tin theo yêu cầu;

Phụ lục IV: Công bố thông tin về các hoạt động khác của công ty;

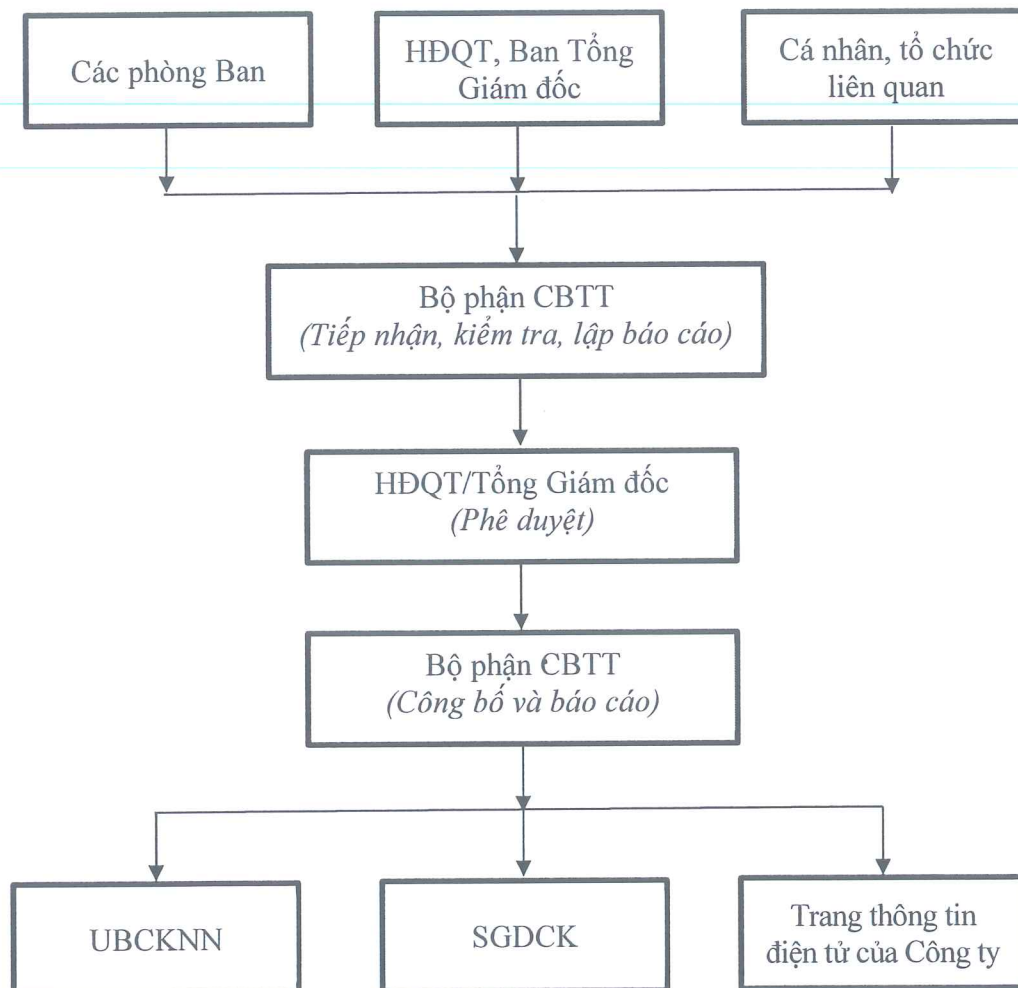
Phụ lục V: Chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số phiếu có quyền biểu quyết của Công ty;

Phụ lục VI: Chế độ báo cáo và công bố thông tin liên quan đến giao dịch của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ;

Phụ lục VII: Công bố thông tin liên quan đến giao dịch chào mua công khai.

## CHƯƠNG II: QUY TRÌNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 10. Lưu đồ thực hiện công bố thông tin



**Điều 11. Diễn giải quy trình thực hiện công bố thông tin***Bước 1. Thông báo, cung cấp thông tin, tài liệu phải công bố*

- Các Ban, đơn vị trực thuộc, cá nhân, tổ chức trong Công ty có trách nhiệm cung cấp thông tin thuộc trách nhiệm của mình theo phân công nội bộ.
- Hình thức cung cấp thông tin cho Bộ phận phụ trách CBTT:
  - a) Trao đổi thông qua Email do Công ty cung cấp;
  - b) Bằng văn bản.

*Bước 2. Xử lý thông tin*

Khi nhận được thông tin, Bộ phận CBTT thực hiện kiểm tra, xem xét nội dung các tài liệu, báo cáo, đối chiếu với các quy định về CBTT và soạn thảo các văn bản CBTT theo quy định của pháp luật.

*Bước 3. Trình phê duyệt*

Sau khi soạn thảo đầy đủ các văn bản phục vụ cho việc công bố thông tin, Bộ phận CBTT trình HĐQT/Tổng Giám đốc - Người CBTT để phê duyệt.

*Bước 4. Báo cáo và CBTT*

Bộ phận CBTT thực hiện công bố thông tin trên các phương tiện công bố theo quy định, đảm bảo đúng thời hạn quy định và phù hợp với từng loại thông tin cần công bố.

*Bước 5. Bảo quản và lưu trữ thông tin*

Thông tin, tài liệu sau khi đã thực hiện báo cáo và CBTT sẽ được lưu trữ tại Công ty theo quy định của pháp luật để phục vụ đối chiếu, tra cứu khi cần thiết.

**CHƯƠNG III: TỔ CHỨC THỰC HIỆN****Điều 12. Trách nhiệm cung cấp thông tin của các bộ phận, cá nhân có liên quan**

- 12.1 Người CBTT trong phạm vi chức năng của mình, định kỳ đôn đốc các bộ phận, cá nhân liên quan cung cấp thông tin theo nội dung của Quy chế này.
- 12.2 Trưởng các Ban có liên quan chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời của các thông tin cung cấp cho Người CBTT.
- 12.3 Việc CBTT liên quan đến HĐQT/Ban Giám đốc thì Thư ký HĐQT/BGD chịu trách nhiệm theo dõi nghĩa vụ CBTT cho Người CBTT.

**Điều 13. Trách nhiệm của người được ủy quyền công bố thông tin**

Người được ủy quyền công bố thông tin là đầu mối thu thập các thông tin và thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty theo quy định tại Quy chế này.

- 13.1 Chức năng và nhiệm vụ của người được ủy quyền công bố thông tin:
- Trung thực, trách nhiệm, cẩn trọng, mẫn cán, có kiến thức về kế toán, tài chính và có kỹ năng nhất định về tin học;
  - Công khai tên, số điện thoại làm việc để các cổ đông có thể dễ dàng liên hệ;
  - Có đủ thời gian thực hiện chức trách của mình, đặc biệt là việc liên hệ với các cổ đông, ghi nhận những ý kiến của các cổ đông, định kỳ công bố trả lời ý kiến của các cổ đông và các vấn đề về quản trị Công ty theo quy định;
  - Chịu trách nhiệm về thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin của Công ty với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch Chứng khoán, nhà đầu tư và những người có liên quan theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty;
  - Chịu trách nhiệm xây dựng Báo cáo thường niên hàng năm của Công ty để thực hiện công bố thông tin theo quy định.
- 13.2 Điều chỉnh thông tin công bố: Trường hợp sau khi thực hiện công bố thông tin, Công ty nhận được các ý kiến phản hồi về tính chính xác và đầy đủ của các thông tin công bố, người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm kiểm tra, xác minh và bổ sung, sửa đổi (nếu có) kịp thời khi nhận được ý kiến phản hồi theo đúng quy định pháp luật.

#### **Điều 14. Tổ chức thực hiện, xử lý vi phạm**

- Công ty công bố Quy chế Công bố thông tin trên mạng thông tin điện tử của Công ty và gửi cho Sở giao dịch chứng khoán trước khi thực hiện;
- Quy chế Công bố thông tin được phổ biến đến toàn bộ các phòng, ban, Chi nhánh, đơn vị trực thuộc và cán bộ nhân viên của Công ty;
- Phòng, Ban, Chi nhánh và đơn vị trực thuộc, cán bộ nhân viên thuộc Công ty có hành vi vi phạm các quy định tại Quy chế này, vi phạm các quy định của pháp luật gây thiệt hại cho Công ty liên quan đến việc thực hiện, quản lý hoạt động công bố thông tin thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự; nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo quy định của pháp luật;
- Trường hợp có sự thay đổi về pháp luật dẫn đến các quy định của bản Quy chế này trái hoặc không còn phù hợp với quy định pháp luật mới thì áp dụng theo quy định của pháp luật mới đó.

#### **Điều 15. Hiệu lực thi hành**



**PHỤ LỤC I: CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ***(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Helio Energy)*

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
1	<p><b>Báo cáo tài chính (BCTC) quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có)</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BCTC Quý: BCTC riêng + BCTC hợp nhất;</li> <li>- Nội dung BCTC: gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;</li> <li>- Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.</li> </ul> <p><b>Lưu ý:</b> Trường hợp Công ty đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đối với BCTC quý: trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày kết thúc quý;</li> <li>- Đối với BCTC được soát xét (nếu có): trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý;</li> <li>- Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý với trường hợp Công ty là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
2	<p><b>Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BCTC bán niên: BCTC riêng + BCTC hợp nhất;</li> <li>- Đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “Báo cáo tài chính giữa niên độ”, số liệu tài chính trong 06 tháng đầu năm tài chính của</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính;</li> <li>- Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính với</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
	<p>công ty (gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp).</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần.</li> </ul>	<p>trường hợp là công ty mẹ của tổ chức khác hoặc là đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét.</p>	
3	<p><b>Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- BCTC: BCTC riêng + BCTC hợp nhất;</li> <li>- Nội dung BCTC: gồm đầy đủ các báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;</li> <li>- Công bố thông tin về BCTC năm đã được kiểm toán bao gồm cả BC kiểm toán về BCTC đó và văn bản giải trình của công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
	<p><b>Lưu ý:</b> Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại Mục 1, 2 và 3 Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;</li> <li>b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;</li> <li>c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</li> </ul>		

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
4	<p><b>Báo cáo thường niên</b></p> <p>Nội dung phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán (<i>Theo mẫu BCTN - Phụ lục IV Thông tư 96/2020</i>).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
5	<p><b>Báo cáo tình hình quản trị công ty</b></p> <p><i>Theo mẫu quy định tại Phụ lục V - Thông tư 96/2020.</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm;</li> <li>- 30 ngày, kể từ ngày kết thúc năm dương lịch.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
6	<p><b>Họp ĐHĐCĐ thường niên</b></p> <p>CBTT Họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có).</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
7	<p><b>Thông tin về công ty đại chúng</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.</li> </ul>	

**PHỤ LỤC II: CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG***(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Helio Energy)**Lưu ý: Khi công bố thông tin, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có)*

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
1	<p><b>Biên bản họp ĐHĐCĐ thường niên</b></p> <p>Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết.</p>		-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.
2	<p>Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định trên.</p>	<p>Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ.</p>	-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.
3	<p><b>Yêu cầu của cơ quan nhà nước trong hoạt động đăng ký kinh doanh, Giấy phép của công ty</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Khi nhân được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi công ty có quyết định về:               <ul style="list-style-type: none"> <li>• Tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh;</li> <li>• Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp;</li> <li>• Thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;</li> </ul> </li> </ul>		-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
	<ul style="list-style-type: none"> <li>• Sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.</li> <li>- Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.</li> </ul>		
4	<b>Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT</b>		
4.1	<p>Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất thường.</p> <p>Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của ĐHĐCĐ, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).</p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
4.2	<p>Trường hợp ĐHĐCĐ thông qua việc hủy niêm yết, công ty phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn.</p>	<p>Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
4.3	<p><b>Các Quyết định về cổ phiếu, cổ tức trong Công ty</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định mua lại cổ phiếu của công ty hoặc bán cổ phiếu quỹ;</li> <li>- Ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu;</li> <li>- Quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài;</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;</li> <li>- Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức;</li> <li>- Quyết định tách, gộp cổ phiếu.</li> </ul>		
4.4	<p><b>Quyết định của ĐHCĐB/HĐQT trong hoạt động Đăng ký kinh doanh</b></p> <p>Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty;</p> <p>Thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, nhà máy, văn phòng đại diện;</p> <p>Ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hàng năm của công ty;</p> <p>Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;</p> <p>Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;</p>	<p>Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
	<p>Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty là công ty mẹ);</p> <p>Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).</p>	<p>Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ.</p>	
4.5	<p><b>Quyết định của ĐHĐCĐ/HĐQT trong hoạt động Kế toán, kiểm toán</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật);</li> <li>- Thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng);</li> <li>- Việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.</li> </ul>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>
4.6	<p><b>Quyết định liên quan đến các giao dịch, hợp đồng trong công ty</b></p>		<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>



STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
	<p>ơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin.</p>		
6	<p><b>Thay đổi về nhân sự</b></p> <p>Công ty thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ;</p> <p>Nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư 96/2020;</p> <p>Khi nhận được quyết định khởi tố đối với công ty, người nội bộ của công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của công ty.</p>		<p>- UBCKNN;</p> <p>- SGDCCK;</p> <p>- Website Công ty.</p>
7	<p><b>Các thông báo khác từ cơ quan nhà nước</b></p> <p>Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của công ty; Công ty nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp.</p>	<p>Công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ.</p>	<p>- UBCKNN;</p> <p>- SGDCCK;</p> <p>- Website Công ty.</p>
8	<p>Khi nhận được Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;</p>		-

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
8	<p><b>Các sự kiện khác</b></p> <p>Trường hợp công ty nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính công ty, công ty phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;</p> <p>Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của công ty.</p>		<p>-UBCKNN;</p> <p>-SGDCK;</p> <p>-Website Công ty.</p>
9	<p><b>Công bố thông tin về hợp ĐHĐCĐ bất thường hoặc thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản</b></p> <p>Công ty phải công bố trên trang thông tin điện tử của công ty và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc hợp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu hợp ĐHĐCĐ, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu hợp ĐHĐCĐ phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);</p>	<p>Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp ĐHĐCĐ nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.</p>	<p>-UBCKNN;</p> <p>-SGDCK;</p> <p>-Website Công ty.</p>
10	<p>Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp,</p>	<p>10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán.</p>	<p>-UBCKNN;</p> <p>-SGDCK;</p> <p>-Website Công ty.</p>

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
	kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.		
11	Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu.	<p>Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p> <p><b>Lưu ý:</b> Trừ trường hợp Công ty công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp ĐHCĐ tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.</p>	<p>-UBCKNN;</p> <p>-SGDCK;</p> <p>-Website Công ty.</p>

**PHỤ LỤC III: CÔNG BỐ THÔNG TIN THEO YÊU CẦU***(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Helio Energy)**Lưu ý: Khi công bố thông tin theo yêu cầu, nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của công ty về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).*

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
1	Khi xảy ra Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư.	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.	- UBCKNN; - SGDCCK; - Website Công ty.
2	Có thông tin liên quan đến công ty ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi công ty niêm yết, đăng ký giao dịch.	- UBCKNN; - SGDCCK; - Website Công ty.

**PHỤ LỤC IV: CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CÁC HOẠT ĐỘNG KHÁC CỦA CÔNG TY***(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Helio Energy)*

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
1	<p><b>Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn</b></p> <p>Công ty chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng có hiệu lực, Công ty phải công bố Bản thông báo phát hành trên 01 tờ báo điện tử hoặc báo in trong 03 số liên tiếp.</li> <li>- Công ty phải báo cáo kết quả đợt chào bán cho UBCKNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán</li> <li>- Báo cáo và công bố thông tin về việc sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành: <ul style="list-style-type: none"> <li>Định kỳ 06 tháng kể từ ngày kết thúc đợt chào bán, ngày kết thúc đợt phát hành cho đến khi giải ngân hết số tiền huy động được, Công ty phải báo cáo UBCKNN về tiến độ sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành để thực hiện dự án và công bố thông tin trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc các thời hạn nêu trên;</li> </ul> </li> </ul> <p>Trường hợp thay đổi phương án sử dụng vốn, số tiền thu được từ đợt chào bán, đợt phát hành, Công ty phải công bố thông tin về lý do thay đổi kèm theo quyết định trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm có quyết định của cấp có thẩm quyền.</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- UBCKNN;</li> <li>- SGDCCK;</li> <li>- Website Công ty.</li> </ul>

STT	Nội dung CBTT	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
2	<p>Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của công ty và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu.</p> <p>Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.</p>	<p><i>Thông báo lần đầu:</i> Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày UBCKNN xác nhận hoàn tất việc đăng ký công ty đại chúng.</p> <p><i>Thông báo thay đổi:</i> Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày xảy ra một trong các sự kiện dẫn đến thay đổi tỷ lệ SHNN tối đa</p>	<p>-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.</p>
3	<p>Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.</p> <p>Trường hợp công ty mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin.</p>	<p>Thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày.</p>	<p>-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.</p>

**PHỤ LỤC V: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA CỔ ĐÔNG LỚN,  
NHÓM NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN SỞ HỮU TỪ 5% TRỞ LÊN SỐ PHIẾU BIỂU QUYẾT**

*(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Helio Energy)*

STT	Nội dung Báo cáo/CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận báo cáo/thông tin công bố
1	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan báo cáo về việc sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm trở thành cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%.	-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.
2	Tổ chức, cá nhân, nhóm người có liên quan báo cáo khi không còn là cổ đông lớn từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Công ty.	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ thời điểm không còn là cổ đông lớn/nhóm người có liên quan sở hữu từ 5%.	-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.
3	Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết của Công ty khi có sự tăng hoặc giảm tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% (kể cả trường hợp cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng quyền mua cổ phiếu phát hành thêm...).	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ thời điểm có thay đổi.	-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.
4	Công ty phải Công bố thông tin đối với các trường hợp tại Mục 1, 2, 3 trên.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo.	-Website Công ty.

**PHỤ LỤC VI: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN  
GIAO DỊCH CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

*(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Helio Energy)*

STT	Nội dung Báo cáo/CBTT	Thời hạn CBTT	Nơi tiếp nhận báo cáo/thông tin công bố
1	<p>Người nội bộ của công ty, (sau đây gọi chung là người nội bộ) và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác).</p>	<p>Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc.</p>	<p>-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.</p>
2	<p>Người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch. Đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có)</p>	<p>Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch.</p>	<p>-UBCKNN; -SGDCK; -Website Công ty.</p>

	theo mẫu quy định tại Phụ lục XV hoặc Phụ lục XVI ban hành kèm theo Thông tư 96/2020.		
3	Công ty phải Công bố thông tin các trường hợp tại Mục 1,2 trên.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan.	- Website Công ty.
4	Công ty phải thực hiện công bố thông tin trong trường hợp phát sinh thay đổi thông tin của người nội bộ và người có liên quan đã cung cấp.	Trong vòng 24h kể từ thời điểm nhận được thông tin thay đổi từ người nội bộ.	- SGDCK

**PHỤ LỤC VI: CHẾ ĐỘ BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN LIÊN QUAN ĐẾN GIAO DỊCH CHÀO MUA CÔNG KHAI***(Ban hành kèm theo Quy chế Công bố thông tin của Công ty cổ phần Helio Energy)*

STT	Nội dung Công bố thông tin	Thời gian CBTT	Nơi tiếp nhận/đăng tải CBTT
1	Công ty có trách nhiệm CBTT về việc nhận được đề nghị chào mua công khai của tổ chức/cá nhân trên trang thông tin điện tử của Công ty.	Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	- Website Công ty.
2	<p> HĐQT phải CBTT cho cổ đông, nhà đầu tư trên trang thông tin điện tử của Công ty về đánh giá, khuyến nghị đối với đề nghị chào mua công khai của Tổ chức/cá nhân; đồng thời báo cáo UBCKNN.</p> <p>Đánh giá, khuyến nghị của HĐQT công ty đối với việc chào mua công khai có phiếu phải được thể hiện bằng văn bản. Trường hợp một hoặc một số thành viên Hội đồng quản trị có ý kiến khác thì HĐQT phải công bố kèm theo các ý kiến này.</p>	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký chào mua công khai.	- Website Công ty.